

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2025/LĐ-ST**

Ngày: 14/7/2025

V/v “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Phi Hồ – Cán bộ Liên Đoàn Lao
Động Thành phố Biên Hoà.

- Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu
vực 1- Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1-
Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 69/2024/TLST-
LĐ ngày 17/12/2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô
hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-LĐ ngày 21
tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1976.

- Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Hà Tĩnh.

- Địa chỉ hiện tại: Số nhà D, Tổ H, Khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh
Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

*** Bị đơn: Công ty cổ phần T1**

- Địa chỉ: Số H, Đường I, Khu công nghiệp B, phường A, thành phố B, tỉnh
Đồng Nai (nay là Phường T, tỉnh Đồng Nai).

- Đại diện theo pháp luật: Ông Kang Y.

- Ông Kang Y uỷ quyền cho ông Ông L – Giám đốc Nhân sự Công ty (Theo
giấy uỷ quyền số 001/2023/QĐUQ ngày 29/12/2023).

- Ông LeeWangchul uỷ quyền lại: bà **Đặng Thị N**, sinh năm 1986 - Chức
danh: Nhân viên phòng bảo hiểm. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 02/6/2025).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bảo hiểm xã hội khu vực
XXVIII (Đồng Nai – Bình Phước)

- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Phạm Minh T – Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực XXVIII (Kèm theo Quyết định số 1537/QĐ-BHXXH ngày 22/05/2025) của giám đốc B về việc điều động, bổ nhiệm Giám đốc BHXH khu vực XXVIII).

- Địa chỉ: Số B đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

- **Đại diện theo uỷ quyền:** Bà Đinh Thị Phương H1, sinh năm 1976 – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Bảo hiểm xã hội khu vực XXVIII)

(Trước khi mở phiên toà: Bà Đặng Thị H; bà Đặng Thị N và bà Đinh Thị Phương H1 đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2024; đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 19/12/2024, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Vào năm 1996, bà H từ quê vào Đồng Nai làm việc. Do không có hộ khẩu thường trú tại Đồng Nai nên bà H không thể xin việc tại công ty cổ phần T1. Sau đó bà H tìm đến trung tâm D đã cung cấp cho bà H 01 bộ hồ sơ cá nhân của bà Phạm Thị Thanh M có hộ khẩu ở Đồng Nai để bà H đi xin việc tại công ty cổ phần T1. Hồ sơ cá nhân của bà H khi làm tại công ty cổ phần T1 có thông tin cá nhân như sau:

+ Phạm Thị Thanh M, sinh ngày 01/10/1976, CMND số: 183064011 do công an H2 cấp. Thông tin ngày sinh và sổ chứng minh nhân dân là của bà H chỉ có họ tên không phải của bà H mà là của bà Phạm Thị Thanh M.

+ Tháng 6/1996, bà H mượn tên bà Phạm Thị Thanh M ký hợp đồng lao động với công ty cổ phần T1 và đi làm tại công ty cho đến nay. Đồng thời được cấp sổ bảo hiểm xã hội mã số 4701017169 từ tháng 6/1996.

+ Hiện tại bà H không biết bà Phạm Thị Thanh M và cũng không biết thông tin liên lạc của bà Phạm Thị Thanh M. Hiện người bà H lấy thông tin là bà Phạm Thị Thanh M cũng chưa từng làm việc tại công ty T1, hay tổ chức, cơ quan nào khác.

+ Đến ngày 9/12/2024 bà H đã làm việc với cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai và tại biên bản làm việc với Bảo hiểm xã hội, bà H đã nhận trách nhiệm về việc lấy sai thông tin cá nhân để làm việc cho công ty Cổ phần T1.

Vì vậy nay bà Đặng Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai giải quyết cho bà các yêu cầu sau:

+ Tuyên hủy hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị Thanh M và công ty cổ phần T1 do vô hiệu.

+Tuyên hủy sổ bảo hiểm xã hội mã số 4701017169 mang tên bà Phạm Thị Thanh M.

+ Yêu cầu Bảo hiểm xã hội khu vực XXVIII (Đồng Nai – Bình Phước) cấp lại bảo hiểm xã hội cho bà Đặng Thị H.

Về giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, bà không yêu cầu.

Bà Đặng Thị H xác định việc bà lấy thông tin của người khác để đi ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần T1 là lỗi của bà. Do đó bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

- Lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Đặng Thị N trình bày:

Công ty Cổ phần T1 (trước đây là Công ty Cổ phần T2 - xin gọi tắt là công ty); Địa chỉ: số H, đường I, KCN B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư của Hàn Quốc, ngành nghề kinh doanh: Sản xuất giày xuất khẩu.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu Công ty tuyên bố Hợp đồng lao động mà bà H dùng tên Phạm Thị Thanh M để giao kết với Công ty Cổ phần T2 từ tháng 06/1996 đến tháng 01/2025 vô hiệu vì Hợp đồng này vi phạm nguyên tắc "Trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, Công ty có ý kiến như sau:

Tháng 06 năm 1996, công ty có ký Hợp đồng lao động với Người lao động mang tên Phạm Thị Thanh M vào làm việc tại công ty. Khi bà M vào làm việc, bà M có nộp hồ sơ xin việc theo đúng quy định, công ty và người lao động đã giao kết hợp đồng lao động theo quy định của luật. Công ty đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, đã tham gia bảo hiểm xã hội cho Người lao động theo quy định của luật BHXH.

Đến tháng 01 năm 2025, bà Phạm Thị Thanh M nộp đơn xin thôi việc, công ty đã cho bà M thôi việc và giải quyết đầy đủ chế độ cho Người lao động. Giữa công ty và bà Phạm Thị Thanh M không có phát sinh tranh chấp.

Căn cứ vào danh sách Người lao động, Hợp đồng lao động. Tại công ty chỉ có người lao động tên Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1976. Không có người lao động tên Đặng Thị H, sinh năm 1976.

Dựa vào những lý do nêu trên, công ty Cổ phần T1 không có cơ sở để tuyên bố hợp đồng lao động với bà Phạm Thị Thanh M là vô hiệu. Vì vậy, việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là do Tòa án quyết định.

- Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội khu vực XXVIII (Đồng Nai – Bình Phước) đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đồng thời tại bản ý kiến ngày 19/6/2025, bà Đinh Thị Phương H1 trình bày như sau:

Căn cứ Thông báo số 22/2025/TB-TLVA ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là Toà án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai) về việc thụ lý vụ án lao động sơ thẩm số 22/2025/TLST-LĐ ngày 02/04/2025 về việc: “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu” giữa nguyên đơn là bà Đặng Thị H và bị đơn là Công ty Cổ phần T1; đồng thời xác định cơ quan Bảo hiểm xã hội khu vực XXVIII (Đồng Nai – Bình Phước) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bà Đặng Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị Thanh M với Công ty Cổ phần T1 là vô hiệu, tuyên hủy sổ BHXH mã số 4701017169 mang tên Phạm Thị Thanh M và cấp lại sổ BHXH cho bà Đặng Thị H. BHXH khu vực XXVIII có ý kiến như sau:

Qua tra cứu dữ liệu của ngành BHXH, bà Phạm Thị Thanh M, sinh ngày 01/10/1976, số CMND 183064011, sổ BHXH mã số 4701017169, có thời gian đóng BHXH như sau:

Mã số sổ BHXH	Thời gian đóng BHXH	Đơn vị sử dụng lao động	Đã hưởng
4701017169	06/1996-01/2025	Công ty Cổ phần TKG TaeKwang Vina (tên cũ Công ty Cổ Phần TaeKwang Vina Industrial) (TP.Biên hòa, Đồng Nai)	-

Ngày 09/12/2024, BHXH tỉnh Đ (Nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XXVIII (Đồng Nai – Bình Phước) đã tiến hành làm việc với bà Đặng Thị H ghi nhận về việc bà Đặng Thị H đã sử dụng hồ sơ cá nhân của bà Phạm Thị Thanh M để đi làm và tham gia BHXH tại Công ty Cổ phần T1 từ tháng 06/1996, với sổ BHXH mã số 4701017169.

Như vậy, Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Đặng Thị H (mang tên Phạm Thị Thanh M) với Công ty Cổ phần T1 từ tháng 06/1996 đến tháng 01/2025 thuộc trường hợp được hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBOXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1: *Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết Hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết Hợp đồng lao động, đây là trường hợp Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ và Tòa án nhân dân có quyền tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu.*

Việc xử lý đối với thời gian tham gia BHXH, sổ BHXH... liên quan đến Hợp đồng lao động bị tuyên bố là vô hiệu, đến nay Ngành BHXH chưa nhận được văn bản hướng dẫn thực hiện. Vì vậy, đề nghị người lao động chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBOXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

I. VỀ VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Đặng Thị H khởi kiện về tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” đối với Công ty Cổ phần T1 có địa chỉ trụ sở tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai (N là phường T, tỉnh Đồng Nai) nên Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là TAND - Khu vực 1- Đồng Nai) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025)

- Về xác định quan hệ tranh chấp: Việc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là TAND - Khu vực 1- Đồng Nai) xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu” là đúng quy định. Xác định bà Đặng Thị H là nguyên đơn, Công ty cổ phần T1 là bị đơn, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Về thủ tục hòa giải; việc thu thập chứng cứ; việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và quyết định đưa vụ án ra xét xử: thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 97, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng: hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự số, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho Công ty là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án được quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, đảm bảo sự vô tư, khách quan khi giải quyết vụ án và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn: chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 73, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xem xét.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đối với Công ty Cổ phần T1 có địa chỉ trụ sở tại phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” và Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là TAND - Khu vực 1- Đồng Nai) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm

quyền được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 50 của Bộ luật lao động năm 2019.

[2]. Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Đặng Thị H người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Đặng Thị N, đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị Phương H1 đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ theo Điều 227; 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng nói trên.

[3]. Về nội dung vụ án: Bà Đặng Thị H yêu cầu:

- Tuyên hủy hợp đồng lao động giữa thông tin bà Phạm Thị Thanh M và công ty cổ phần T1 do vô hiệu.

- Tuyên hủy sổ bảo hiểm xã hội mã số 4701017169 mang tên bà Phạm Thị Thanh M và đề nghị bảo hiểm xã hội tỉnh Đ cấp lại bảo hiểm xã hội cho tôi Đặng Thị H.

* Xét thấy: Căn cứ hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà Đặng Thị H thể hiện: Vào tháng 6/1996, bà H đã sử dụng hồ sơ cá nhân của người tên Phạm Thị Thanh M để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần T1, bà H làm việc đến tháng 01/2025 thì nghỉ việc. Theo kết quả cung cấp, tài liệu chứng cứ của BHXH tỉnh Đ cung cấp quá trình đóng bảo hiểm của bà M từ tháng 6/1996 đến tháng 01/2025. Nhận thấy, trên thực tế bà H là người lao động nhưng mang tên người khác là bà Phạm Thị Thanh M, thông tin tên họ là của bà Phạm Thị Thanh M, còn ngày sinh (01/10/1976) và số CMND (183064011) là của chính bà H. Căn cứ quy định tại Điều 30 Bộ luật Lao động được sửa đổi bổ sung năm 2007 và khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019, hợp đồng lao động phải được giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, trung thực và cung cấp đầy đủ thông tin. Việc bà H sử dụng tên người khác khi ký hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực. Đồng thời, tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1 (cũ) hướng dẫn rõ *“Hành vi mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm pháp luật và hợp đồng đó phải bị tuyên vô hiệu”*. Ngoài ra, việc bà H sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bản thân nhưng mang họ tên của một người không có thật để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần T1 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị Thanh M với Công ty Cổ phần T1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 136, Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995; nên cần được chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động ký từ tháng 6/1996 đến tháng 01/2025 giữa Công ty Cổ phần T1 và người mang tên Phạm Thị Thanh M là vô hiệu toàn bộ.

- Đối với yêu cầu về yêu cầu tuyên hủy sổ BHXH mã số 4701017169 mang tên Phạm Thị Thanh M và yêu cầu cấp lại sổ BHXH đứng tên Đặng Thị H.

Xét thấy: Sổ bảo hiểm xã hội mã số **4701017169** được cơ quan BHXH cấp từ tháng 6/1996 đến tháng 01/2025 mang tên bà Phạm Thị Thanh M (người lao động thực tế là bà Đặng Thị H), căn cứ trên hồ sơ đã nộp hợp pháp tại thời điểm giao

kết hợp đồng. Mặc dù, hợp đồng lao động bị tuyên vô hiệu, nhưng dữ liệu và quá trình tham gia BHXH đã được ghi nhận và quản lý thống nhất. Đồng thời, xét về yêu cầu này của nguyên đơn là vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đặng Thị H có thể liên hệ với BHXH tỉnh Đ để thực hiện thủ tục theo quy định của BHXH Việt Nam.

Đối với người mang tên Phạm Thị Thanh M, qua xác minh tại địa phương cho biết: không có ai tên Phạm Thị Thanh M sinh ngày 01/10/1976 đăng ký HKTT hay tạm trú tại địa chỉ số nhà A, Khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Đối chiếu ngày, tháng, năm sinh (01/10/1976) và số CMND (183064011) là của bà Đặng Thị H (nguyên đơn) phù hợp với lời khai của bà H các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án không thể đưa người mang tên Phạm Thị Thanh M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được (vì tên Phạm Thị Thanh M là tên ảo).

[4]. Về việc giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Mặc khác, quan hệ lao động giữa bà Phạm Thị Thanh M và Công ty cổ phần T1 đã chấm dứt vào tháng 01/2025 nên không thuộc trường hợp phải xử lý hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính Phủ.

[5]. Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 229, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 136 và Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 Điều 15; Điều 49; Điều 50; Điều 51 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H với bị đơn Công ty cổ phần T1 về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị Thanh M và Công ty cổ phần T1 có thời gian làm việc từ tháng 6/1996 đến tháng 01/2025 vô hiệu.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H đối với yêu cầu tuyên hủy sổ BHXH mã số 4701017169 mang tên Phạm Thị Thanh M; Yêu cầu cấp lại sổ BHXH cho bà Đặng Thị H. Bà Đặng Thị H được quyền liên hệ với BHXH tỉnh Đ (Nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XXVIII (Đồng Nai – Bình

Phước)) để thực hiện thủ tục theo quy định của B1 sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Đặng Thị H tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006152 ngày 13/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - ĐN;
- Cục THA dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Hồng